CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Sam Holdings

Ngày 31/12/2025	8,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	8.7%	**5.3%**	**18.7%**

DT thuần
Q4/25
2,018
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 478| 31.1%
YoY: ▲ 1,157| 134%

LN thuần
Q4/25
57.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 37.6| 186%
YoY: ▲ 16.7| 40.6%

LN sau thuế
Q4/25
47.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 31.8| 205%
YoY: ▲ 35.0| 285%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
3.5%
YoY: +/-▼ 0.8%

ROE
2025
2.0%
YoY: +/-▲ 0.2%

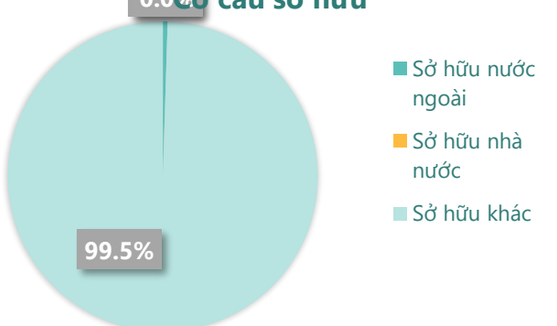
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	6,000 - 10,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,040
Số lượng CPLH (CP)	379,960,971
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,908,828
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	0.72
EPS	244
P/E	32.7

DT thuần
2025
6,126
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2,088| 51.7%

LN thuần
2025
131
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.00| -1.3%

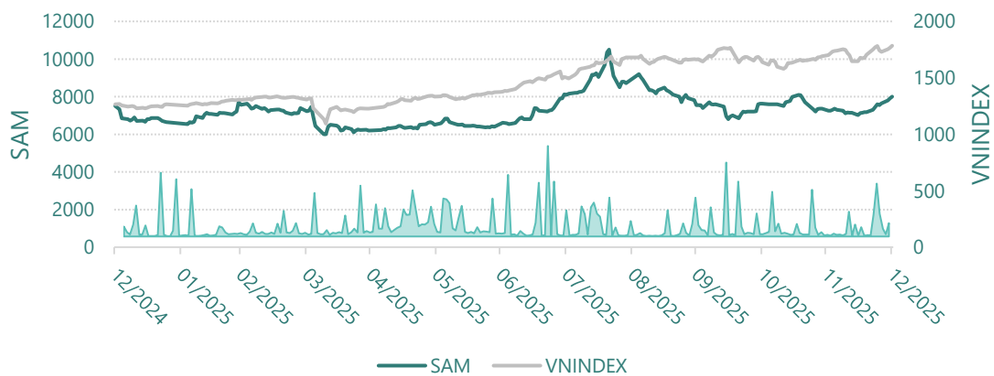
LN sau thuế
2025
102
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.70| 7.4%

Cơ cấu sở hữu

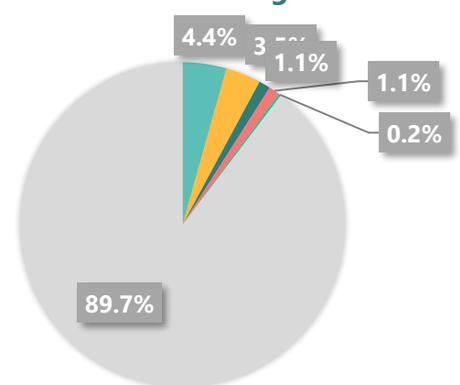


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

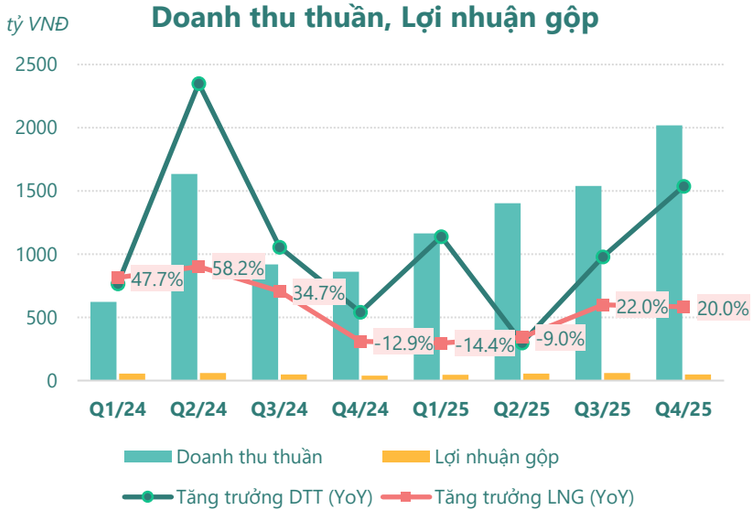


CTCP Chứng khoán Quốc Gia
Veil Holdings Ltd
Tổng CTCP Bảo hiểm Hùng Vương
Grinling International Ltd
CTCP Quản lý quỹ Bông Sen
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

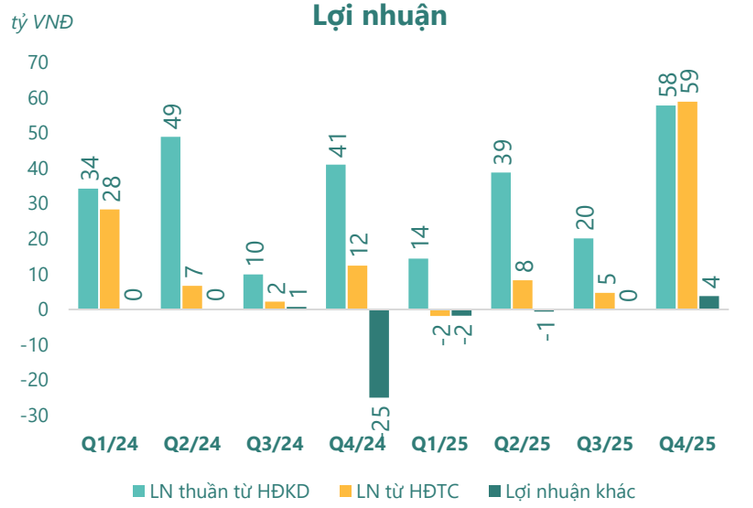
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



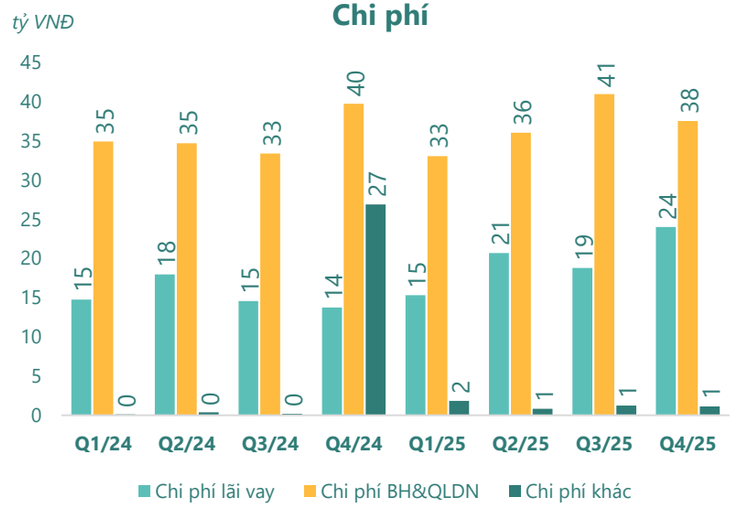
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



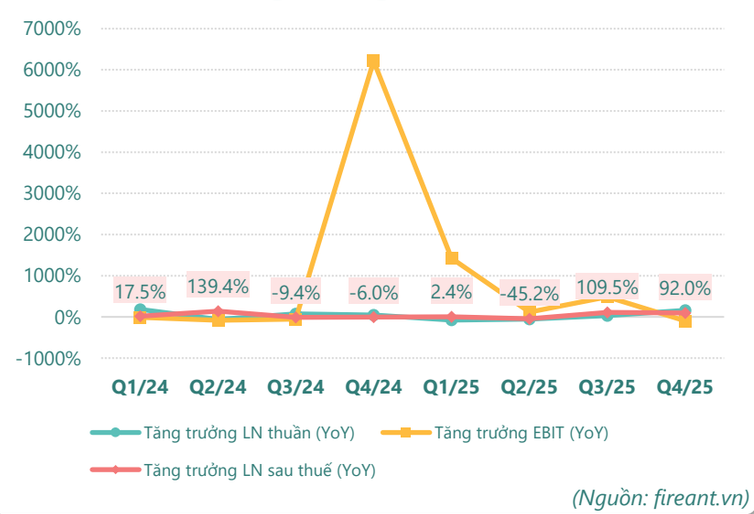
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



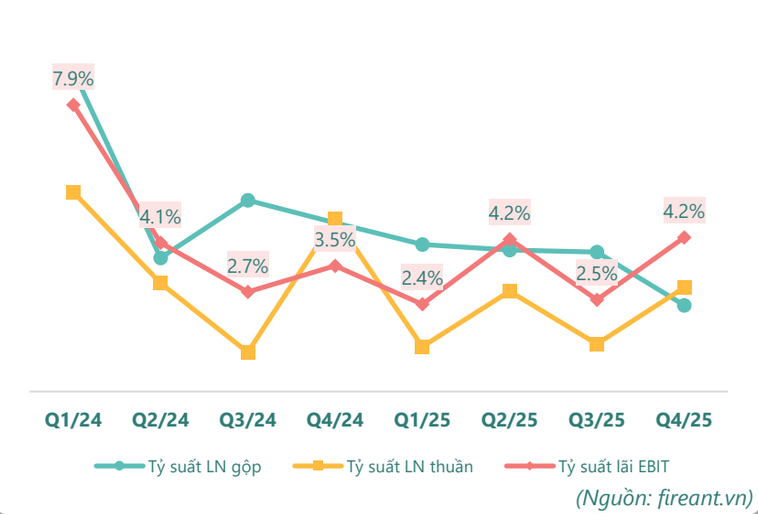
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



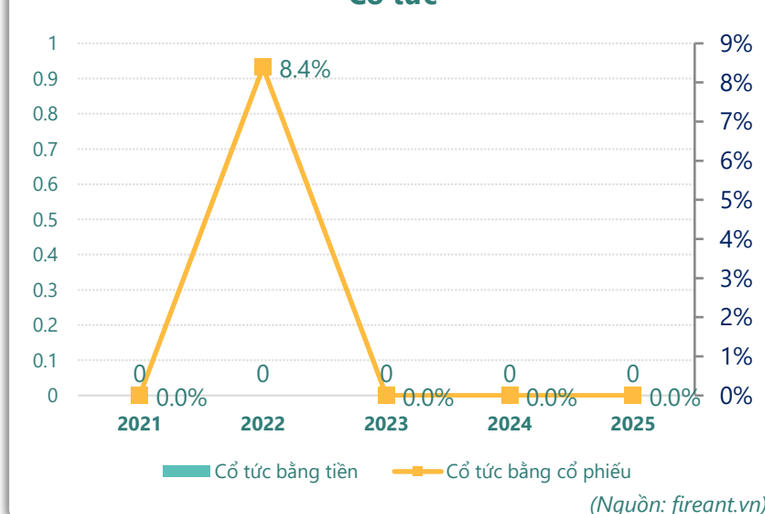
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

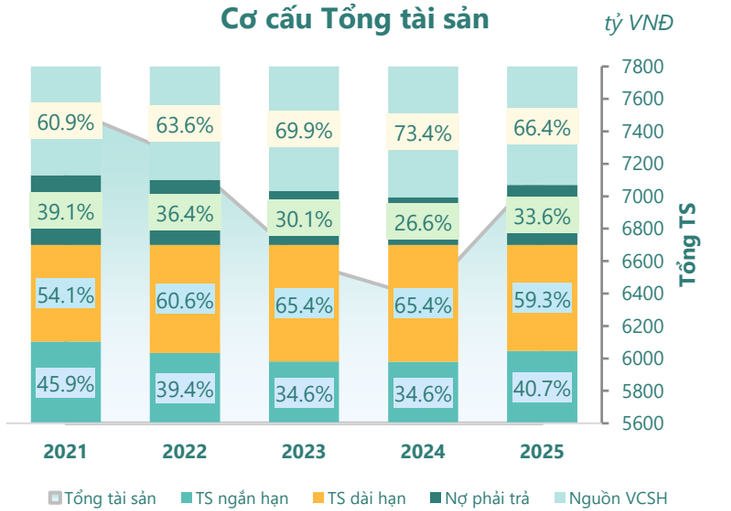
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

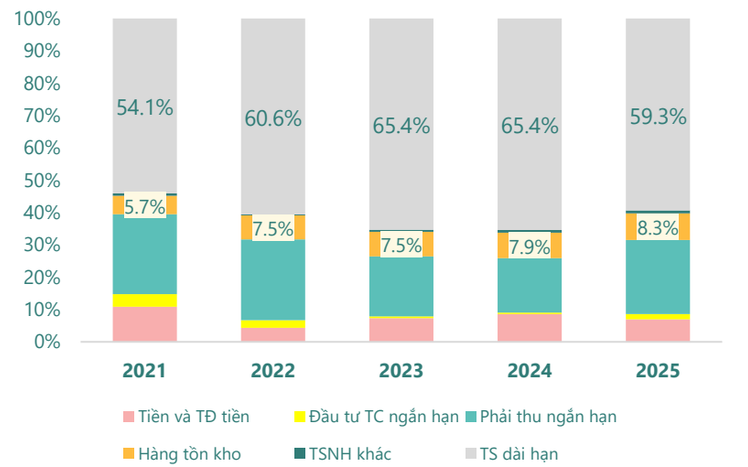
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



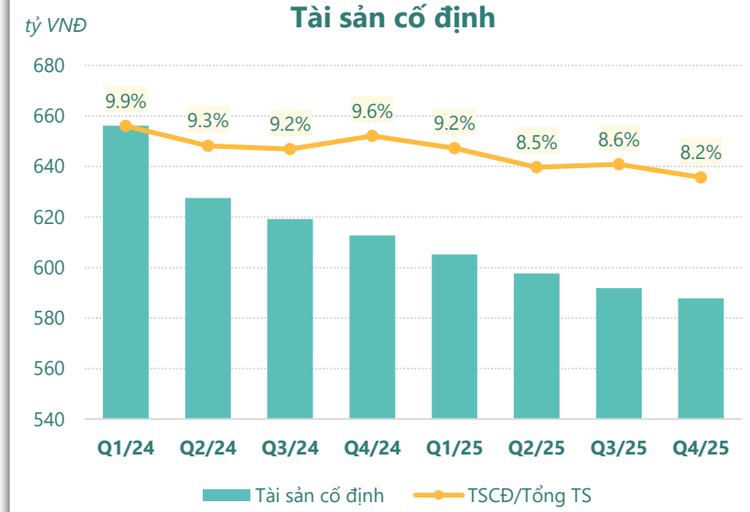
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



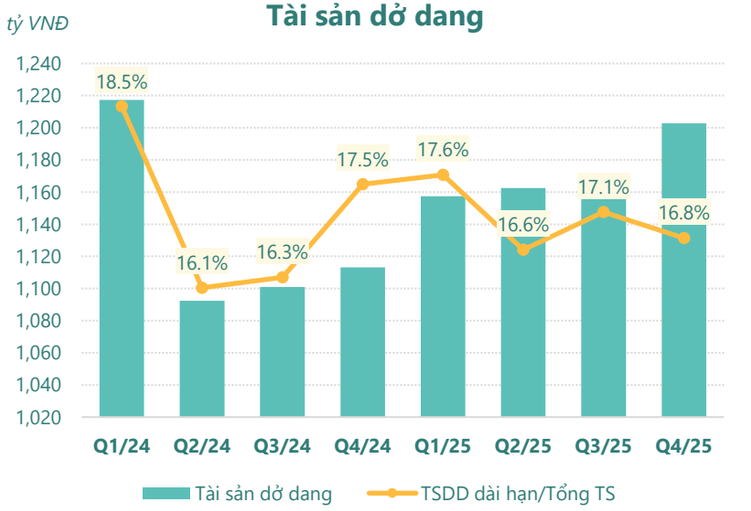
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



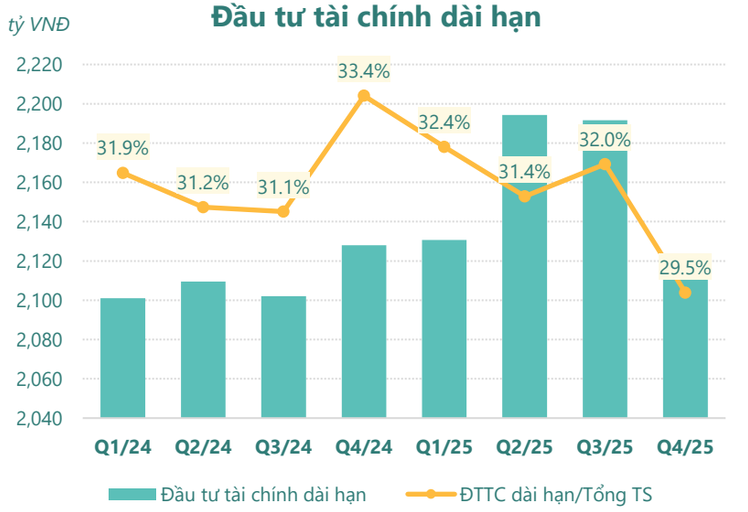
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



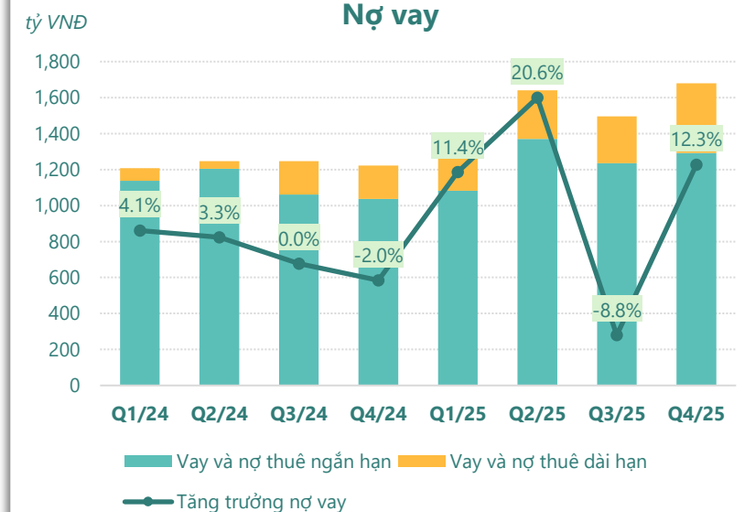
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

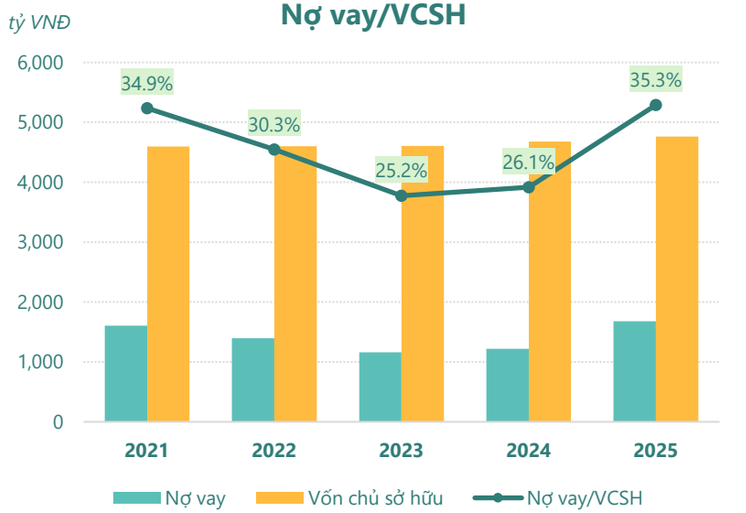
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

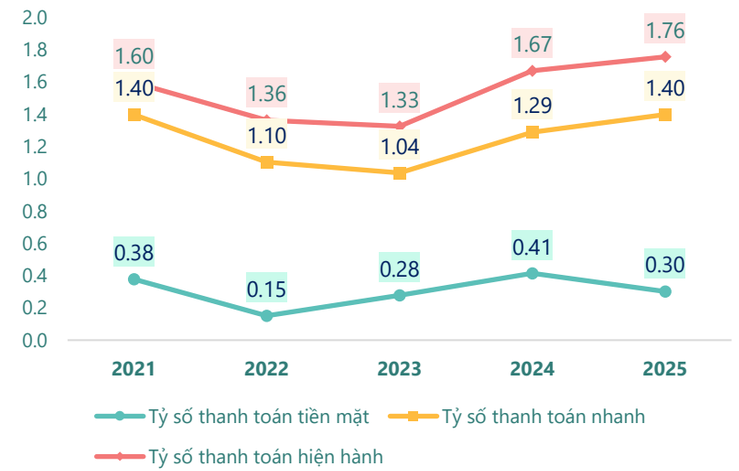
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



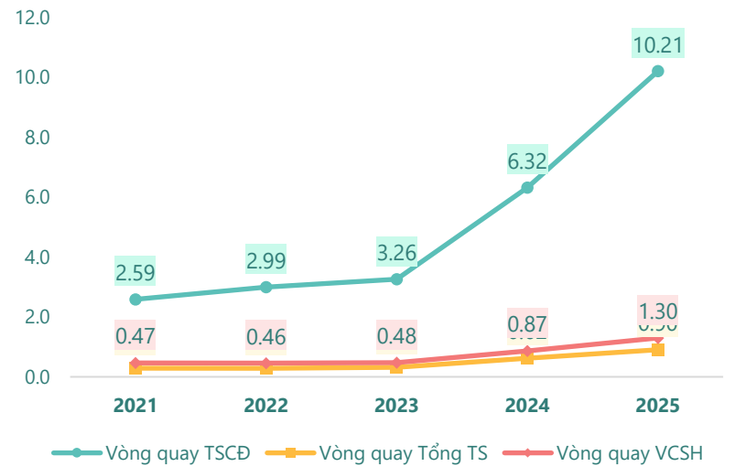
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



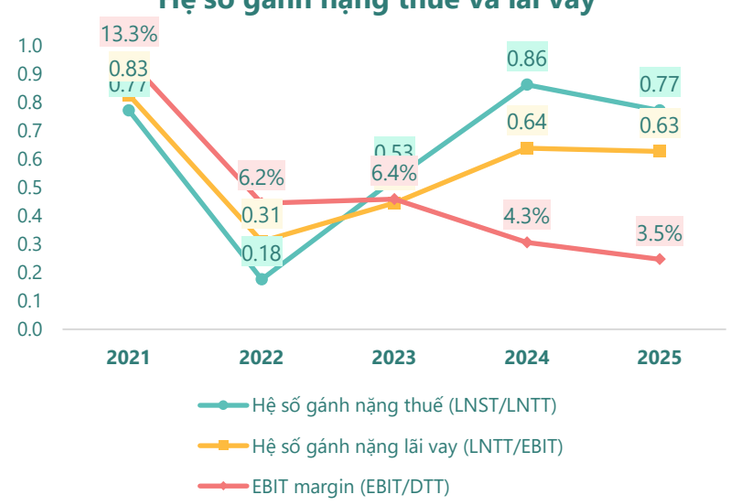
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



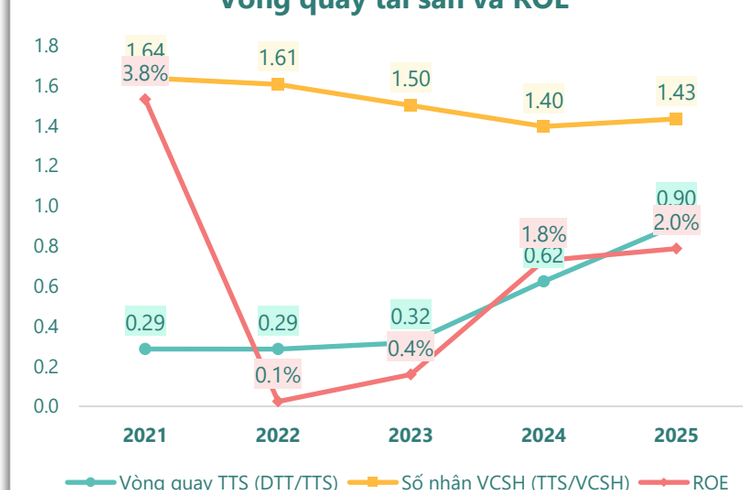
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



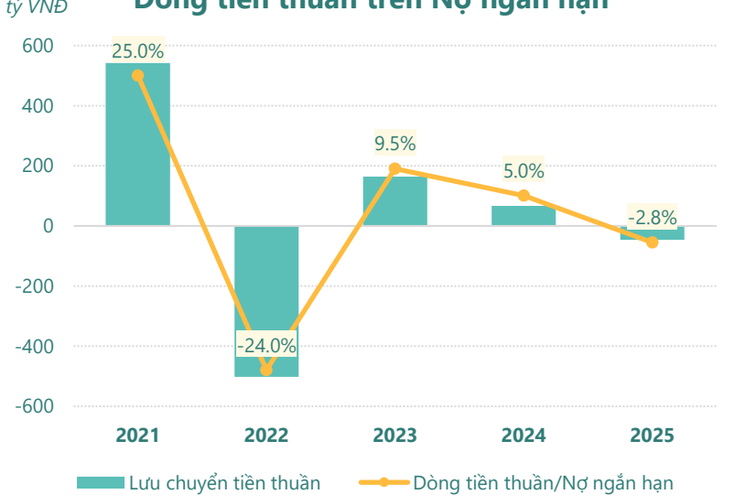
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,018**	**861**	**134%**	**6,126**	**4,038**	**51.7%**
Giá vốn hàng bán	1,970	821	140%	5,917	3,835	54.3%
Lợi nhuận gộp	48.0	40.0	20.0%	209	204	2.6%
Doanh thu HĐTC	83.6	34.1	145%	155	127	22.0%
Chi phí TC	24.7	21.6	14.5%	85.4	79.3	7.7%
Chi phí lãi vay	24.0	13.8	74.2%	78.8	62.6	25.9%
LN trong công ty LKLD	**-11.6**	**28.4**	**-141%**	**-0.25**	**23.9**	**-101%**
Chi phí bán hàng	13.4	14.3	-6.6%	61.4	57.6	6.6%
Chi phí QLDN	**24.2**	**25.4**	**-4.8%**	**86.2**	**85.2**	**1.2%**
LN thuần từ HĐKD	57.8	41.1	40.6%	131	133	-1.3%
Lợi nhuận khác	**3.82**	**-25.0**	**115%**	**1.50**	**-22.4**	**107%**
LN trước thuế	61.6	16.0	285%	133	111	20.0%
Lợi nhuận sau thuế	**47.3**	**12.3**	**285%**	**102**	**95.3**	**7.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**46.0**	**18.1**	**154%**	**92.9**	**84.3**	**10.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	210	151	-306	113	125	-209
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-189	184	-187	-210	-198	344
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-109	-34.9	129	271	-154	235
Tiền đầu kỳ	335	248	547	183	357	131
Lưu chuyển tiền thuần	**-87.1**	**300**	**-364**	**174**	**-227**	**371**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.06	0	0	0	0.09
Tiền cuối kỳ	248	547	183	357	131	501

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**7,168**	**6,376**	**12.4%**
Tài sản ngắn hạn	2,914	2,204	32.2%
Tiền và tương đương tiền	501	547	-8.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	116	29.6	291%
Phải thu ngắn hạn	1,638	1,076	52.3%
Hàng tồn kho	593	503	18.0%
Tài sản ngắn hạn khác	65.4	48.8	34.0%
Tài sản dài hạn	**4,254**	**4,172**	**2.0%**
Phải thu dài hạn	165	120	36.8%
Tài sản cố định	588	613	-4.1%
Bất động sản đầu tư	117	123	-4.4%
Tài sản dở dang	1,203	1,113	8.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,113	2,128	-0.7%
Tài sản dài hạn khác	**64.1**	**69.5**	**-7.7%**
Lợi thế thương mại	3.92	4.70	-16.7%
Nợ phải trả	2,405	1,695	41.9%
Nợ ngắn hạn	**1,660**	**1,320**	**25.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,292	1,037	24.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	89.4	81.9	9.2%
Nợ dài hạn	746	375	99.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	387	185	110%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,762**	**4,681**	**1.7%**
Vốn chủ sở hữu	**4,762**	**4,681**	**1.7%**
Vốn điều lệ	3,800	3,800	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)